

Số: 24/2017/QĐST-HNGĐ

Krông Pa, ngày 08 tháng 9 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 38/2017/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 8 năm 2017, giữa:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Tổ dân phố 9, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: anh Lê Văn T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 69, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 8 năm 2017,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 8 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Nguyễn Thị N và anh Lê Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị N và anh Lê Văn T vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn vì nhiều mâu thuẫn, xung đột, không còn hòa hợp nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không thể kéo dài. Mâu thuẫn gia đình đã được hai bên cố gắng giải quyết, Tòa án

đã hòa giải để đoàn tụ vợ chồng nhưng chị N và anh T vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã hết, có tiếp tục chung sống cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau, do đó các đương sự thống nhất chọn giải pháp thuận tình ly hôn trước pháp luật.

- *Về con*: chị Nguyễn Thị N và anh Lê Văn T có 01 con chung là Lê Trọng K, sinh ngày 18/3/2011. Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Văn T thống nhất giao con chung là Lê Trọng K, sinh ngày 18/3/2011 cho anh Lê Văn T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng kể từ ngày 31/8/2017 cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị Nguyễn Thị N có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với bố là anh Lê Văn T.

Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị N được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Anh Lê Văn T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở chị Nguyễn Thị N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Nếu chị Nguyễn Thị N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Lê Văn T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị Nguyễn Thị N.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Nguyễn Thị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Lê Văn T là 1.000.000đồng/01con/tháng, kể từ tháng 9/2017 và chấm dứt khi có một trong các trường hợp quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Vì lợi ích của con trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định thay đổi mức cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản*: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

- *Về án phí*: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Tòa án tiến hành hoà giải các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án thì chỉ phải chịu 50% mức án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng x 50% = 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), trong đó chị Nguyễn Thị N phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) và anh Lê Văn T phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*). Chị Nguyễn Thị N tự nguyện nộp toàn bộ án phí là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) cả phần của anh Lê Văn T nhưng được trừ vào số tiền đã tạm nộp trước đây là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0005906 ngày 08 tháng 8 năm 2017 của Chi

cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị N 300.000 đồng - 150.000 đồng = 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) chênh lệch.

- Án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), hòa giải thành đương sự chỉ phải chịu một nửa là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Anh Lê Văn T tự nguyện nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian của số tiền còn phải thi hành án.

Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND t. Gia Lai;
- VKSND h.Krông Pa;
- UBND thị trấn Phú Túc;
- Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Khắc Toàn